

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành bảng giá dịch vụ theo yêu cầu
áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc hội;
Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội quản lý;
Căn cứ Quyết định 1274/QĐ-SYT ngày 24/5/2024 của Sở Y tế về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 cho Bệnh viện Nhi Hà Nội;
Căn cứ Tờ trình về việc phê duyệt giá dịch vụ theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội ngày 22/9/2025 của Ban xây dựng giá theo yêu cầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này giá dịch vụ theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ ngày 26/9/2025.

Điều 3. Các Ông/bà Trưởng Khoa khám bệnh, Trưởng Khoa ngoại tổng hợp, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các khoa, phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Hùng

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT THEO YÊU CẦU TẠI BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 850/QĐ-BVNHN ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội)

ĐVT: đồng								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Giá BHYT theo NQ45/2024	Chênh lệch giá DV-giá theo NQ45	Ghi chú
1	Khám bệnh (Phụ huynh bận rộn)	Lần	Bán lẻ	500,000	23/09/2025		500,000	
2	Cắt hẹp bao quy đầu	Lần	Bán lẻ	4,000,000	23/09/2025	1,509,500	2,490,500	
3	Phẫu thuật cắt phanh môi	Lần	Bán lẻ	2,600,000	23/09/2025	344,200	2,255,800	
4	Cắt nang/polyp rốn	Lần	Bán lẻ	4,000,000	23/09/2025	1,509,500	2,490,500	
5	Cắt nang giáp móng	Lần	Bán lẻ	5,790,000	23/09/2025	2,289,300	3,500,700	
6	Trích rạch áp xe nhỏ	Lần	Bán lẻ	719,000	23/09/2025	218,500	500,500	
7	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	Lần	Bán lẻ	6,500,000	23/09/2025	3,923,600	2,576,400	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy
8	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân khoèo	Lần	Bán lẻ	7,500,000	23/09/2025	3,411,300	4,088,700	Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
9	Phẫu thuật co gân Achilles	Lần	Bán lẻ	8,500,000	23/09/2025	3,302,900	5,197,100	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
10	Nối gân duỗi	Lần	Bán lẻ	6,300,000	23/09/2025	3,302,900	2,997,100	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
11	Nối gân gấp	Lần	Bán lẻ	6,300,000	23/09/2025	3,302,900	2,997,100	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
12	Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản	Lần	Bán lẻ	5,600,000	23/09/2025	3,720,600	1,879,400	
13	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng bằng vật thành sau họng	Lần	Bán lẻ	7,000,000	23/09/2025	2,888,600	4,111,400	
14	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vật tại chỗ	Lần	Bán lẻ	7,800,000	23/09/2025	3,720,600	4,079,400	
15	Phẫu thuật ghép xương tự thân	Lần	Bán lẻ	8,500,000	23/09/2025	5,105,100	3,394,900	Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy
16	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng vật liệu ghép tự thân	Lần	Bán lẻ	10,000,000	23/09/2025	3,963,300	6,036,700	
17	Cắt u xương, sụn	Lần	Bán lẻ	6,700,000	23/09/2025	4,085,900	2,614,100	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học.
18	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai cúp	Lần	Bán lẻ	5,500,000	23/09/2025	1,646,800	3,853,200	
19	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai vùi	Lần	Bán lẻ	5,500,000	23/09/2025	1,646,800	3,853,200	
20	Phẫu thuật tái tạo ngón cái bằng kỹ thuật vi phẫu	Lần	Bán lẻ	15,000,000	23/09/2025	7,094,200	7,905,800	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít, mạch máu nhân tạo.
21	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật tại chỗ	Lần	Bán lẻ	7,200,000	23/09/2025	3,720,600	3,479,400	
22	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật tại chỗ	Lần	Bán lẻ	7,000,000	23/09/2025	3,720,600	3,279,400	
23	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ	Lần	Bán lẻ	7,000,000	23/09/2025	3,488,600	3,511,400	
24	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	Lần	Bán lẻ	7,000,000	23/09/2025	3,488,600	3,511,400	
25	Tháo bỏ các ngón chân	Lần	Bán lẻ	6,000,000	23/09/2025	3,226,900	2,773,100	
26	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	Lần	Bán lẻ	6,000,000	23/09/2025	3,044,900	2,955,100	
27	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mí trên điều trị sụp mí	Lần	Bán lẻ	5,000,000	23/09/2025	1,402,600	3,597,400	
28	Phẫu thuật treo mí lên cơ trán điều trị sụp mí	Lần	Bán lẻ	5,000,000	23/09/2025	1,402,600	3,597,400	
29	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch rời	Lần	Bán lẻ	10,000,000	23/09/2025	5,663,200	4,336,800	
30	Cắt u vú lành tính	Lần	Bán lẻ	5,000,000	23/09/2025	2,595,700	2,404,300	
31	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm2	Lần	Bán lẻ	6,500,000	23/09/2025	3,044,900	3,455,100	
32	Phẫu thuật vá da diện tích trên 10cm2	Lần	Bán lẻ	8,500,000	23/09/2025	4,699,100	3,800,900	
33	Phẫu thuật vi phẫu nối mạch chi	Lần	Bán lẻ	12,000,000	23/09/2025	7,634,600	4,365,400	Chưa bao gồm mạch nhân tạo.

2. Mức giá trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng (Do dịch vụ khám bệnh chữa bệnh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng).